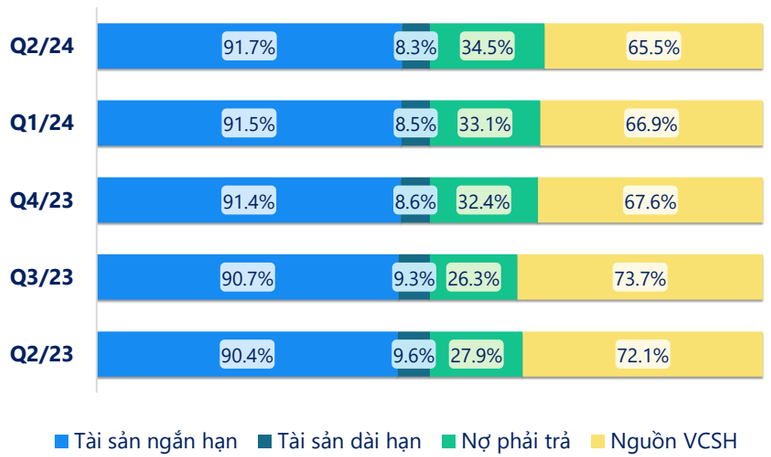
FireAnt

CTCP Tập đoàn ECI (HNX: ECI)

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	24,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	24,500
SL cổ phiếu LH	1,760,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	4.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	43
P/E	-5.7
EPS	-4,284

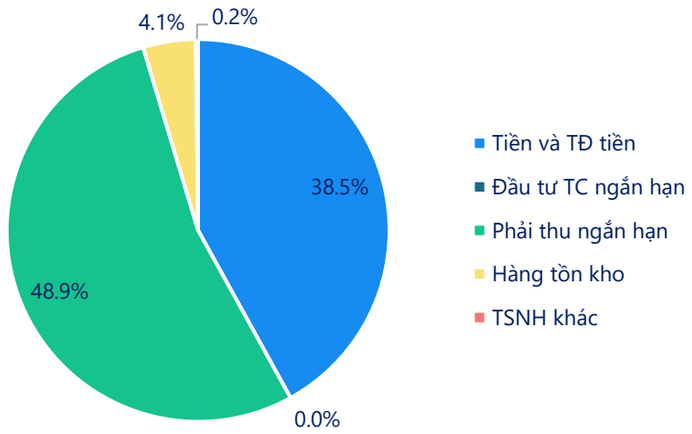
	YTD	1T	3T	6T
ECI	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%

Cơ cấu Tổng tài sản



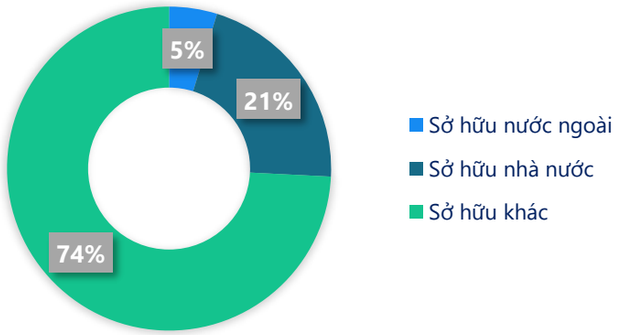
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



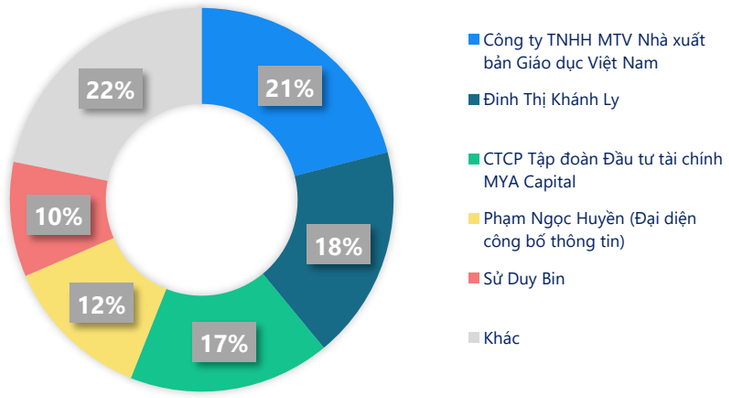
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



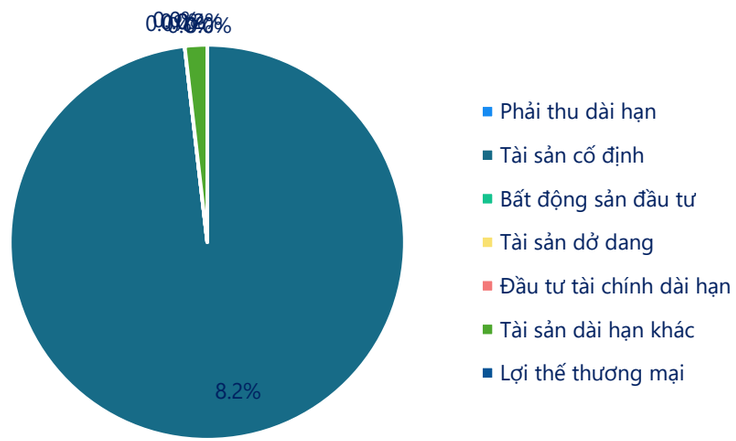
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

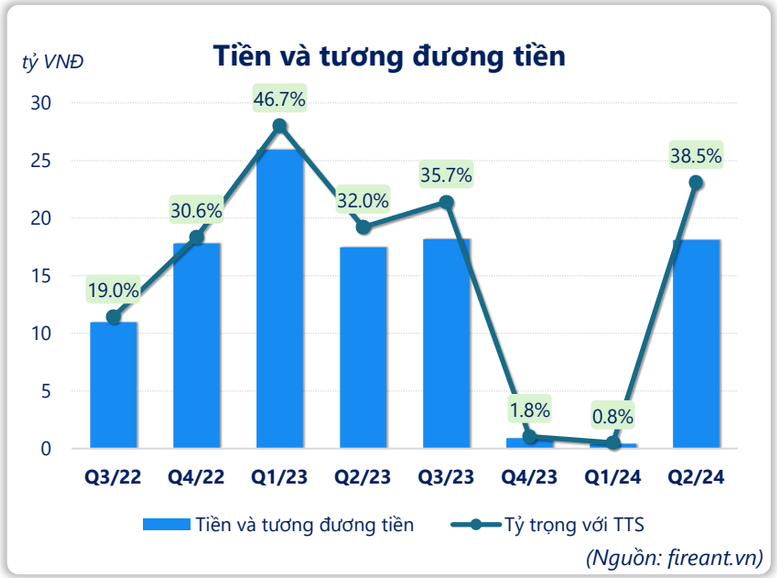
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



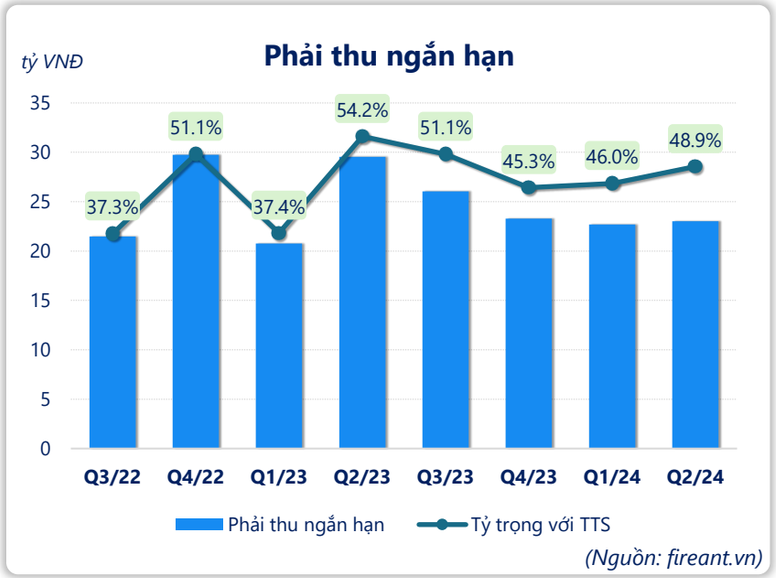
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

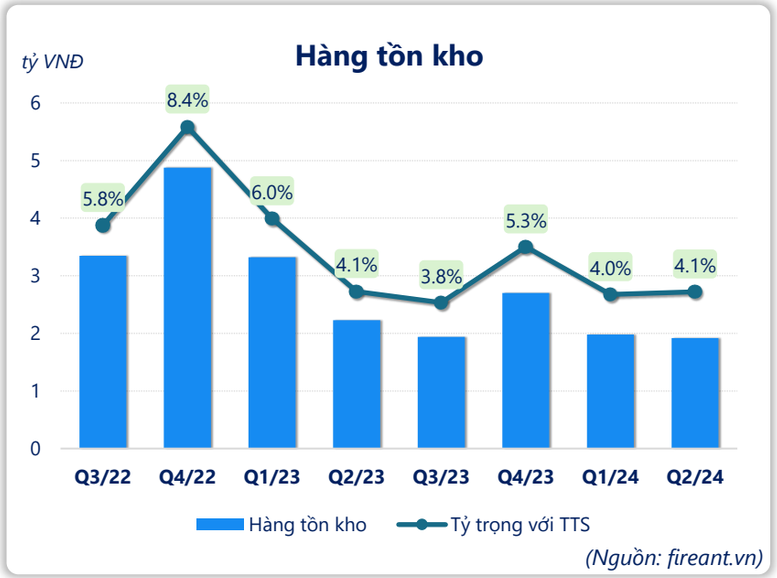
CTCP Tập đoàn ECI (HNX: ECI)



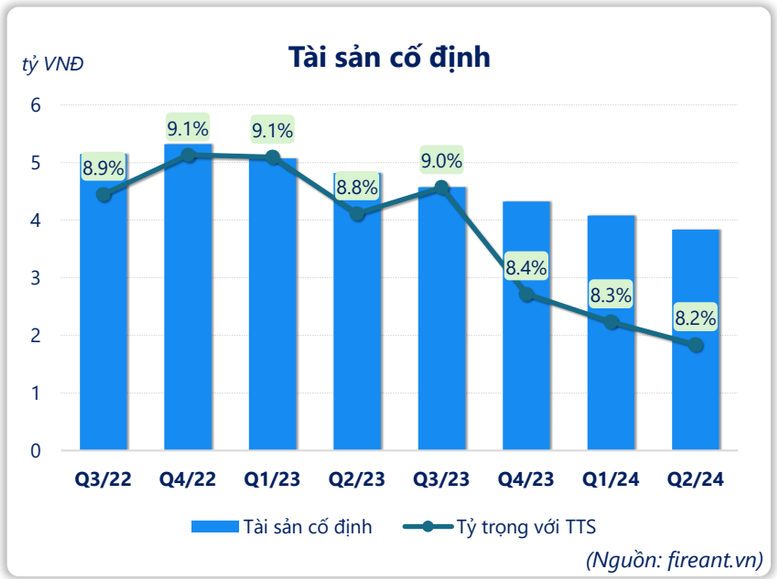
(Nguồn: fireant.vn)



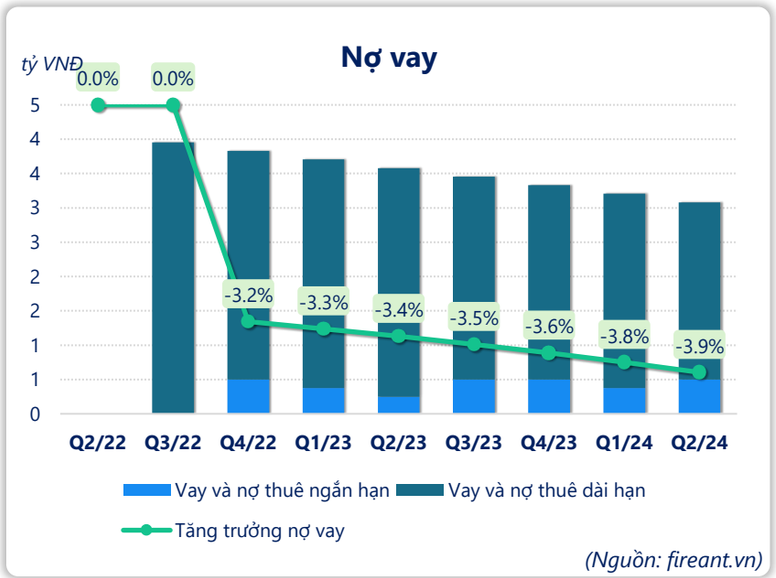
(Nguồn: fireant.vn)



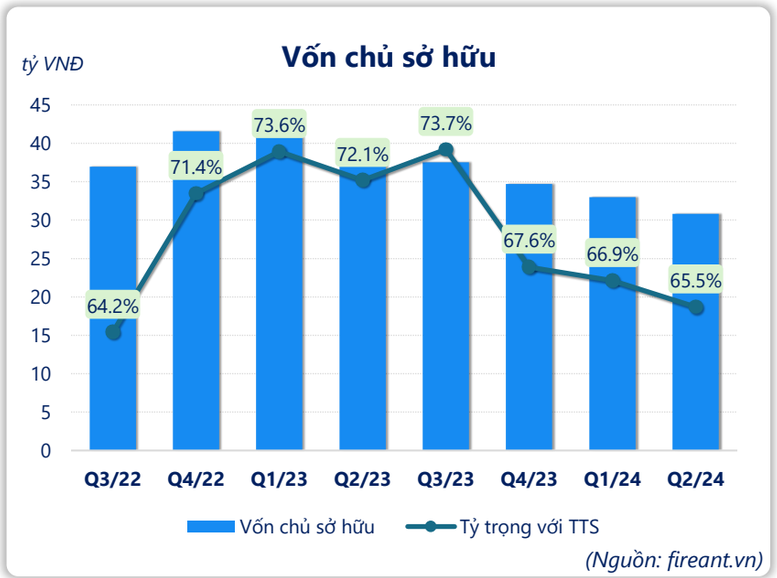
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

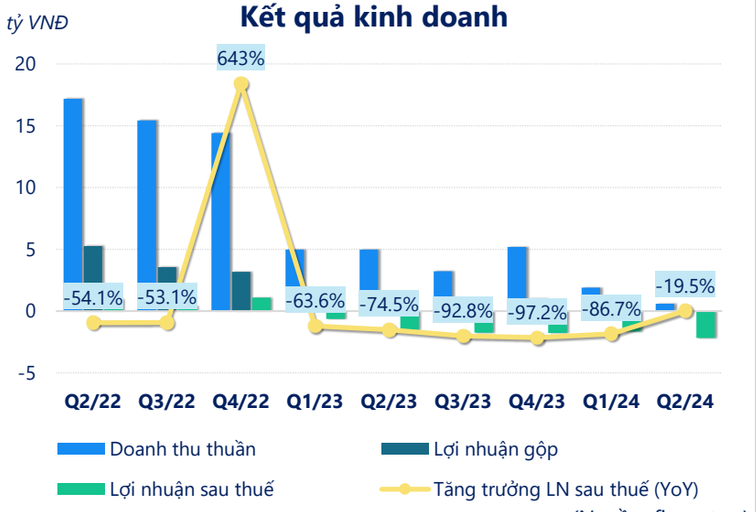


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

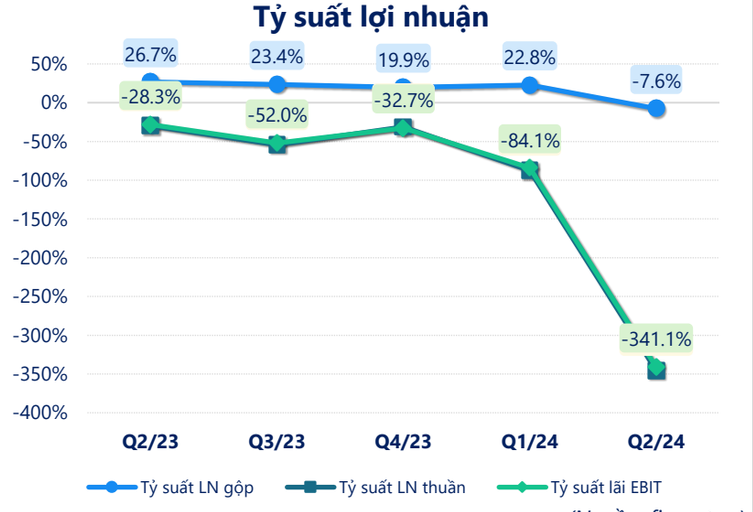
CTCP Tập đoàn ECI (HNX: ECI)

Kết quả kinh doanh



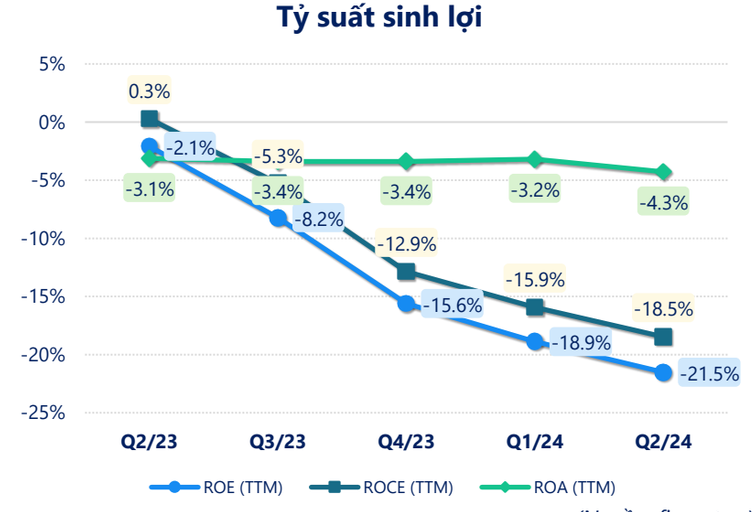
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



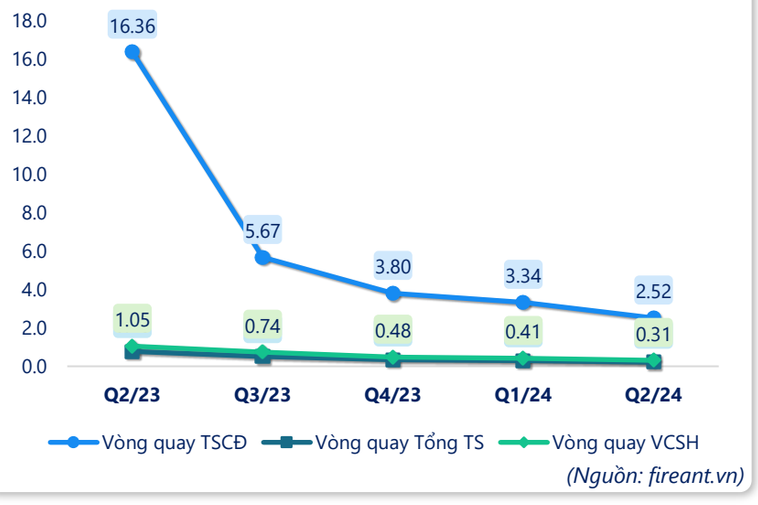
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



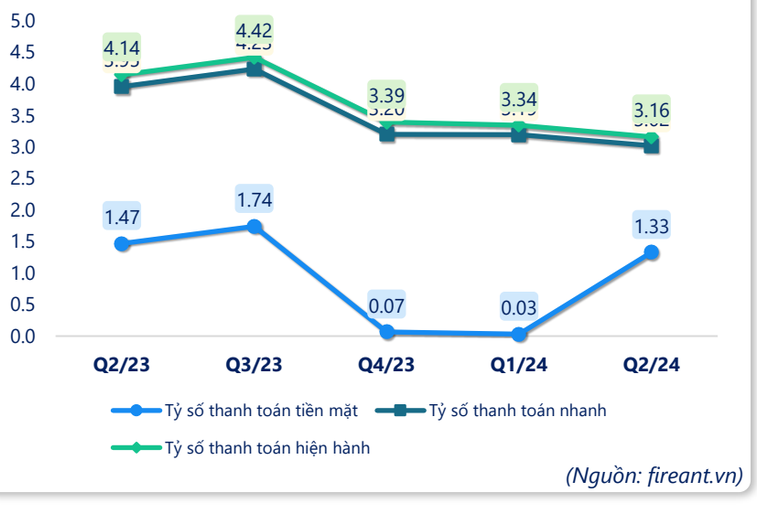
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



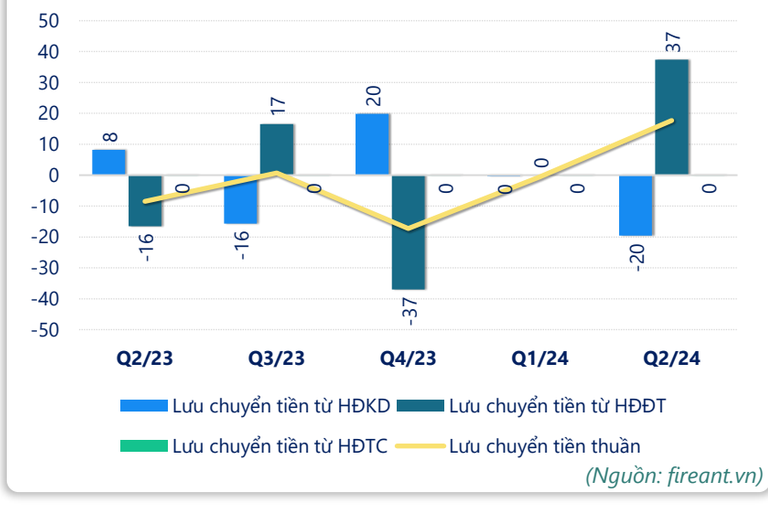
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tập đoàn ECI (HNX: ECI)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**47.0**	**51.3**	**-8.4%**
Tài sản ngắn hạn	43.1	46.9	-8.0%
Tiền và tương đương tiền	18.1	0.90	1901%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	20.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	23.0	23.2	-0.9%
Hàng tồn kho	1.92	2.70	-28.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0.05	53.9%
Tài sản dài hạn	**3.91**	**4.44**	**-12.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3.83	4.32	-11.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.07**	**0.11**	**-37.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	16.2	16.7	-2.7%
Nợ ngắn hạn	**13.7**	**13.9**	**-1.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.50	0.50	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.40	9.53	-1.4%
Nợ dài hạn	2.58	2.83	-8.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.58	2.83	-8.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**30.8**	**34.6**	**-11.1%**
Vốn chủ sở hữu	**30.8**	**34.6**	**-11.1%**
Vốn điều lệ	18.6	18.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	4.97	3.22	5.18	1.89	0.60
Giá vốn hàng bán	3.64	2.46	4.15	1.46	0.65
Lợi nhuận gộp	1.33	0.75	1.03	0.43	-0.05
Doanh thu HĐTC	0.09	0.04	0.09	0.05	0.36
Chi phí TC	0.08	0.08	0.08	0.07	0.07
Chi phí lãi vay	0.08	0.08	0.07	0.07	0.07
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.28	1.06	1.21	0.81	0.92
Chi phí QLDN	1.54	1.41	1.45	1.26	1.41
LN thuần từ HĐKD	-1.48	-1.75	-1.62	-1.65	-2.08
Lợi nhuận khác	0.00	0	-0.15	-0.01	-0.04
LN trước thuế	-1.48	-1.75	-1.77	-1.66	-2.12
Lợi nhuận sau thuế	-1.55	-1.76	-1.77	-1.67	-2.18
LNST của CĐ cty mẹ	-1.60	-1.84	-1.86	-1.67	-2.17

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.18	-15.7	19.9	-0.37	-19.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-16.5	16.5	-37.0	0.01	37.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.12	-0.12	-0.12	-0.12	-0.12
Tiền đầu kỳ	25.9	17.5	18.2	0.90	0.42
Lưu chuyển tiền thuần	**-8.45**	**0.70**	**-17.3**	**-0.49**	**17.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	17.5	18.2	0.90	0.42	18.1

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic